

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán 70/2006/QH11 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006, có hiệu lực từ 01/01/2007;
- Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ban hành ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/6/2015;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5/12/2012 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số ..., ngày .../.../2017 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinacapital;
- Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông số ..., ngày .../.../2017 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinacapital

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinacapital (“Công ty”) xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty như dưới đây.

Ngày bắt đầu có hiệu lực: từ ngày ký Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư bất thường năm 2017.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	Chương I, Điều 1.1	“ <i>Vốn điều lệ</i> ” có nghĩa là tổng số vốn do các cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và quy định tại Điều 13 của Điều lệ này.	“ <i>Vốn điều lệ</i> ” có nghĩa là tổng số vốn do các cổ đông <u>thực góp</u> và quy định tại Điều 11 của Điều lệ này	Thay đổi phù hợp với quy định
2	Chương I, Điều 2	<p>Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật</p> <p>2.1. Công ty được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định hiện hành khác của Việt Nam.</p> <p>2.2. Tên Công ty:</p> <p>(a) Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>(b) Tên giao dịch Tiếng Anh: VinaCapital Fund Management Join Stock Company</p> <p>(c) Tên giao dịch viết tắt: VinaCapital</p> <p>2.3. Trụ sở Công ty:</p> <p>(a) Trụ sở Công ty đặt tại lầu 5, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>(b) Điện thoại: 8 3827 8535 Fax: 8 3827 8536</p> <p>(c) Địa chỉ trang web: www.vinawealth.com.vn</p> <p>(d) Email: infor@vinawealth.com.vn</p> <p>2.4. Người đại diện theo pháp luật</p> <p>(a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này.</p> <p>(b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt</p>	<p>Điều 2. Tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật</p> <p>2.1. Tên Công ty:</p> <p>(a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>(b) Tên đầy đủ bằng Tiếng Anh: VinaCapital Fund Management Join Stock Company</p> <p>(c) Tên giao dịch: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital</p> <p>(d) Tên viết tắt: VinaCapital</p> <p>Việc thay đổi tên của Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định và phải được sự chấp thuận của UBCKNN.</p> <p>2.2. Trụ sở Công ty:</p> <p>(a) Trụ sở Công ty đặt tại lầu 5, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>(b) Điện thoại: 8 3827 8535 Fax: 8 3827 8536</p> <p>(c) Địa chỉ trang web: www.vinacapital.com</p> <p>(d) Email: irwm@vinacapital.com</p> <p>2.3 Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh sau khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2.4. Người đại diện theo pháp luật</p>	Cập nhật thông tin và cơ cấu lại nội dung cho phù hợp

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>2.5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh sau khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2.6. Việc thay đổi tên Công ty phải được sự chấp thuận của UBCKNN.</p>	<p>(c) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này. Thông tin về người đại diện theo pháp luật hiện tại của Công ty:</p> <p>Ông: Brook Colin Taylor Giới tính: Nam Sinh ngày: 09/7/1969 Quốc tịch: New Zealand Số hộ chiếu: LK233406 Ngày cấp: 07/6/2016 Nơi cấp: Wellington, New Zealand</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
3	Chương I, Điều 4	<p>Điều 4. Các lĩnh vực kinh doanh</p> <p>4.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:</p> <p>(a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; (b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. (c) Tư vấn đầu tư chứng khoán</p> <p>4.2. Công ty có thể thay đổi một trong những loại hình kinh doanh trên hoặc bổ sung các hoạt động kinh doanh khác sau khi được UBCKNN và/hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào phê duyệt.</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu và lĩnh vực và phạm vi hoạt động</p> <p>4.1. Công ty chỉ được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động do UBCKNN cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <p>(a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; (b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và (c) Tư vấn đầu tư chứng khoán.</p> <p>4.2. Công ty có thể thay đổi một trong những hoạt động kinh doanh trên hoặc bổ sung các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật sau khi được UBCKNN và/hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào phê duyệt.</p>	Cơ cấu lại nội dung cho phù hợp (gộp các nội dung có liên quan của Điều 5 và Điều 7 vào)
4	Chương I, Điều 5	<p>Điều 5. Mục tiêu hoạt động</p> <p>5.1. Mục tiêu của Công ty là quản lý các quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các mục tiêu khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	xóa bỏ	Nội dung này không cần thiết nữa vì đã được gộp vào Điều 4.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		5.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.		
5	Chương I, Điều 6	Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh Công ty sẽ hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc chung sau đây: ...	Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh Công ty sẽ hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc chung sau đây, <u>trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi</u> : ...	Bổ sung để đảm bảo phù hợp hơn trong trường hợp pháp luật có quy định khác.
6	Chương I, Điều 7	Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ mà UBCKNN cấp cho Công ty và phù hợp với quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới cần phải có sự phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Công ty chỉ cung cấp dịch vụ, sản phẩm đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	xóa bỏ	Nội dung này không cần thiết nữa vì đã được gộp vào Điều 4.
7	Chương II, Điều 14.2	14.2. Công ty tăng Vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo một trong các phương thức sau: (a) Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật; (b) Phát hành trái phiếu chuyển đổi (thành cổ phần); (c) Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu; (d) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng Vốn Điều lệ.	12.2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo một trong các phương thức sau: (a) Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật; (b) Phát hành trái phiếu chuyển đổi (thành cổ phần); (c) Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu; (d) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng Vốn điều lệ; (e) <u>Các phương thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</u>	Sửa đổi để đảm bảo Công ty có thể thực hiện việc tăng Vốn điều lệ theo các phương thức khác mà pháp luật cho phép.
8	Chương II, Điều 15	Điều 15. Cổ đông của Công ty	Điều 13. Cổ đông của Công ty	Cập nhật lại thông tin, đồng

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi																
		<p>15.1. Cổ đông của Công ty bao gồm các cổ đông sáng lập và cổ đông thường. Cổ đông sáng lập là các cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào Điều lệ đầu tiên của Công ty.</p> <p>15.2. Cổ đông hiện tại của Công ty bao gồm các cổ đông sau đây:</p> <p>(1) Cổ đông thứ nhất: VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530697 do Cơ Quan Đăng Ký Doanh Nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/01/2003 Số cổ phần nắm giữ: 496.000 cổ phần, tương ứng với 8% Vốn Điều lệ.</p> <p>(2) Cổ đông thứ hai: ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập: số 493567 do Cơ Quan Đăng Ký Doanh Nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 29/4/2002 Số cổ phần nắm giữ: 2.666.000 cổ phần, tương ứng với 43% Vốn Điều lệ.</p> <p>(3) Cổ đông thứ ba: VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD. Địa chỉ: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy phép số 530698 do Phòng đăng ký kinh doanh của British Virgin Islands cấp ngày 22/1/2003 Số cổ phần nắm giữ: 3.038.000 cổ phần, tương ứng với 49% Vốn Điều lệ.</p>	<p>13.1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay cá nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.</p> <p>13.2. Cơ cấu cổ đông hiện tại và cơ cấu vốn góp hiện tại của Công ty như sau:</p> <table border="1" data-bbox="1176 486 1944 1313"> <thead> <tr> <th data-bbox="1176 486 1227 577">Stt</th> <th data-bbox="1227 486 1702 577">Cổ đông</th> <th data-bbox="1702 486 1848 577">Số cổ phiếu</th> <th data-bbox="1848 486 1944 577">Tỷ lệ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="1176 577 1227 914">1</td> <td data-bbox="1227 577 1702 914"> VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530697 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/01/2003 </td> <td data-bbox="1702 577 1848 914">496.000</td> <td data-bbox="1848 577 1944 914">8%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1176 914 1227 1219">2</td> <td data-bbox="1227 914 1702 1219"> ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập: số 493567 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 29/4/2002 </td> <td data-bbox="1702 914 1848 1219">2.666.000</td> <td data-bbox="1848 914 1944 1219">43%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1176 1219 1227 1313">3</td> <td data-bbox="1227 1219 1702 1313"> VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD. </td> <td data-bbox="1702 1219 1848 1313">3.038.000</td> <td data-bbox="1848 1219 1944 1313">49%</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	1	VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530697 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/01/2003	496.000	8%	2	ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập: số 493567 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 29/4/2002	2.666.000	43%	3	VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD.	3.038.000	49%	<p>thời gộp các nội dung của Điều 17 vào để súc tích hơn</p>
Stt	Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ																	
1	VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530697 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/01/2003	496.000	8%																	
2	ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập: số 493567 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 29/4/2002	2.666.000	43%																	
3	VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD.	3.038.000	49%																	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi			Lý do sửa đổi								
			<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1173 292 1227 539"></td> <td data-bbox="1227 292 1695 539">Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530698 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/1/2003</td> <td data-bbox="1700 292 1845 539"></td> <td data-bbox="1845 292 1939 539"></td> <td data-bbox="1939 292 1968 539"></td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="1173 539 1695 603" style="text-align: center;">Tổng cộng</td> <td data-bbox="1700 539 1845 603" style="text-align: center;">6.200.000</td> <td data-bbox="1845 539 1939 603" style="text-align: center;">100%</td> <td data-bbox="1939 539 1968 603"></td> </tr> </table>		Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530698 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/1/2003				Tổng cộng		6.200.000	100%		
	Địa chỉ đăng ký: Commence Chambers, P.O. Box 2208, Road Town, Tortola, British Virgin Islands Giấy chứng nhận thành lập số 530698 do Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp của British Virgin Islands cấp ngày 22/1/2003													
Tổng cộng		6.200.000	100%											
9	Chương II, Điều 16	<p>Điều 16. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty</p> <p>16.1. Các cổ đông sáng lập phải cam kết nắm giữ toàn bộ cổ phần của mình trong thời hạn ít nhất 03 năm sau khi Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty theo quy định pháp luật.</p>	Xóa bỏ			Nội dung này không cần thiết vì không còn phù hợp với Công ty vào thời điểm hiện tại.								

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi																				
10	Chương II, Điều 17	<p>Điều 17. Cơ cấu vốn góp</p> <p>17.1. Hiện tại, cổ đông Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, tương đương với 62.000.000.000 (Sáu mươi hai tỷ) Đồng Việt Nam, tương ứng với 6.200.000 (Sáu triệu hai trăm ngàn) cổ phần phổ thông.</p> <p>17.2 Cơ cấu vốn góp cụ thể hiện tại như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên cổ đông góp vốn</th> <th>Số cổ phiếu</th> <th>Tỷ lệ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD</td> <td>496.000</td> <td>8%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD</td> <td>2.666.000</td> <td>43%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD.</td> <td>3.038.000</td> <td>49%</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Tổng cộng</td> <td>6.200.000</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên cổ đông góp vốn	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	1	VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD	496.000	8%	2	ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD	2.666.000	43%	3	VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD.	3.038.000	49%	Tổng cộng		6.200.000	100%	Xóa bỏ	Nội dung này không cần thiết nữa vì đã được gộp vào Điều 15 (sửa đổi).
STT	Tên cổ đông góp vốn	Số cổ phiếu	Tỷ lệ																					
1	VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD	496.000	8%																					
2	ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD	2.666.000	43%																					
3	VINACAPITAL CORPORATE FINANCE LTD.	3.038.000	49%																					
Tổng cộng		6.200.000	100%																					
11	Chương II, Điều 18.1	18.1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay thể nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.	xóa bỏ	Nội dung này không cần thiết nữa vì đã được gộp vào Điều 15 (sửa đổi).																				
	Chương II, Điều 19.1(d)	(d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp (i) <u>quy định tại Điều 16.1 của Điều lệ này</u> ; hoặc (ii) có bất kỳ thỏa thuận riêng nào mà cổ đông chuyển nhượng là một bên hoặc bị ràng buộc theo đó có quy định khác;	(d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp có bất kỳ thỏa thuận riêng nào mà cổ đông chuyển nhượng là một bên hoặc bị ràng buộc theo đó có quy định khác	Sửa đổi vì Điều 16.1 của Điều lệ đã được xóa bỏ.																				
	Chương II, Điều 19.1(h)	(h) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại	Xóa bỏ	Nội dung này đã được quy định cụ thể ở Điều 28 của Điều lệ, do vậy																				

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất; và		không cần phải đề cập ở Điều 19.1.
	Chương II, Điều 19.1(i)	(i) Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.	(h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.	thay đổi câu chữ để phù hợp hơn.
	Chương II, Điều 19.2	19.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau: (a) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát; (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông; (d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; và (e) Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.	15.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau: (a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Pháp luật; (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật; (d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật; và (e) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.	thay đổi câu chữ để phù hợp hơn.
	Chương II, Điều 19.3(e)	(e) Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.	(f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định Pháp luật.	Sửa lỗi đánh số điều khoản và câu chữ để phù hợp hơn.
	Chương II, Điều 20.1	Điều 20. Cổ phiếu, cổ phần, phát hành cổ phiếu của Công ty 20.1. Loại cổ phiếu: Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Nếu được Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại từng thời điểm, Công ty có thể có các loại cổ phần ưu đãi.	Điều 16. Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phần của Công ty 16.1. Loại cổ phần: Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời điểm, Công ty có thể có các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Pháp luật.	Sửa tên điều khoản và câu chữ để phù hợp hơn.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Chương II, Điều 21.2	<p>21.2. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Trừ những trường hợp hạn chế chuyển nhượng khác theo thỏa thuận riêng của các cổ đông thì việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện như sau:</p> <p>(a) Các cổ phần được chuyển nhượng theo đúng quy định tại Điều 19.1 (d) của Điều lệ này.</p> <p>(b) Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Cổ phần được coi là đã chuyển nhượng khi được thanh toán đủ và những thông tin của người mua được ghi đúng và đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p> <p>(c) Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p>	<p>17.2. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>Trừ những trường hợp hạn chế chuyển nhượng khác theo thỏa thuận riêng của các cổ đông thì việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện như sau:</p> <p>(a) Các cổ phần được chuyển nhượng theo đúng quy định tại Điều 15.1 (d) của Điều lệ này.</p> <p>(b) Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p> <p>(c) Sau khi cổ phần được chuyển nhượng, Công ty sẽ hành và trao cổ phiếu cho người nhận chuyển nhượng. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>Việc thừa kế, tặng cho cổ phần của Công ty được thực hiện phù hợp theo quy định Pháp luật.</p>	Cập nhật theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
	Chương II, Điều 23.1	<p>23.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>(a) Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc (i) tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng Cổ đông, hoặc (ii) thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>(b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 23.1 (a) này với giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p>	<p>19.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>(a) Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc (i) tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông, hoặc (ii) thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản (trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại) và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	Cập nhật theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
			(b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 19.1(a) này với giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	
	Chương II, Điều 24	<p>Điều 24. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>24.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán phần cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>24.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>24.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>24.4. Việc thừa kế cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>24.5 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p>	<p>Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>20.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán phần cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>20.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần.</p> <p>20.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>20.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p>	Cập nhật theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
	Chương II, Điều 25.2	25.2 Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.	21.2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông), tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.	bổ sung nội dung để phù hợp với quy

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
				định của pháp luật.
	Chương III, Điều 26	<p>Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>26.1 Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc - Ban Kiểm soát - Các Giám đốc khối nghiệp vụ - Bộ phận kiểm soát nội bộ. <p>26.2 Bộ máy tổ chức của Công ty tách biệt, độc lập với bộ máy tổ chức (nếu có) của các cổ đông sáng lập của Công ty và các công ty khác là người có liên quan (nếu có). Và <u>cá nhân làm việc tại Công ty</u> không được kiêm nhiệm, làm việc cho các tổ chức kinh tế khác.</p>	<p>Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>22.1. Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - <u>Ban kiểm soát</u> - Tổng Giám đốc - Các Giám đốc khối nghiệp vụ - Bộ phận kiểm soát nội bộ. <p>22.2. Bộ máy tổ chức của Công ty tách biệt, độc lập với bộ máy tổ chức (nếu có) của các cổ đông của Công ty và các công ty khác là người có liên quan (nếu có). Và <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ và người điều hành quỹ</u> không được kiêm nhiệm, làm việc cho các tổ chức kinh tế khác.</p>	Điều chỉnh để phù hợp hơn với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Thông tư 212.
	Chương IV, Điều 27.2(d)	(d) Quyết định, phê duyệt tất cả các giao dịch của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	(d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014.
	Chương IV, Điều 29.1 và 29.2	<p>29.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>29.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>(a) Báo cáo tài chính hàng năm;</p>	<p>25.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>25.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của hội đồng quản trị, UBCKNN có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>(a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>(b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>(b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;</p> <p>(c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;</p> <p>(d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>(e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>(c) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;</p> <p>(d) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;</p> <p>(e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>(f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ này.</p>	
	Chương IV, Điều 30.1	30.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>bảy ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ mà cổ đông đã thông báo cho Công ty một cách hợp lệ.	26.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ mà cổ đông đã thông báo cho Công ty một cách hợp lệ.	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014
	Chương IV, Điều 31.1	31.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong <u>chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc</u> họp Đại hội đồng cổ đông.	27.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời</u> họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014
	Chương IV, Điều 33	<p>Điều 33. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>33.1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>33.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>(a) Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;</p> <p>(b) Khẳng định thời gian và địa điểm cuộc họp; và</p> <p>(c) Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho họ.</p>	<p>Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>29.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>29.2. cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>29.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		33.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.	(b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; và (c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty. 29.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
	Chương IV, Điều 34.1 và 34.2	34.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 65%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 34.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất trên 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	30.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 30.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất trên 33%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014
	Chương IV, Điều 35.2(a)	(a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	(a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; <u>trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014
	Chương IV, Điều 35.7(a)	(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;	(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp và hợp lý khác;	Sửa đổi câu chữ để phù hợp hơn
	Chương IV, Điều 35.8		bổ sung Điểm (c) như sau: (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.	Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2014

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>Chương IV, Điều 36</p>	<p>Điều 36. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>36.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>36.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất <u>65%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>36.3. Đối với quyết định về (i) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; (ii) sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; (iii) tổ chức lại, giải thể Công ty; (iv) đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty, thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>75%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>36.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>36.5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>75%</u> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p> <p>36.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.</p> <p>36.7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ</p>	<p>Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>32.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>32.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>32.3. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>65%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; (b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; (d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định; (e) Tổ chức lại, giải thể Công ty. <p>32.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>32.5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p> <p>32.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.</p>	<p>Cập nhật theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	<p>32.7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>32.8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ Công ty tiến hành phù hợp với quy định của Pháp luật.</p>	
	Chương IV, Điều 37	<p>Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>37.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông là người chủ trì phiên họp Đại hội đồng. Những người tham gia họp cử một thư ký ghi biên bản họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội đồng cổ đông của những người tham gia. Đại hội đồng sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.</p> <p>37.2. Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty.</p>	<p>Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>33.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung theo quy định của Pháp luật.</p> <p>33.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>33.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>33.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>33.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Cập nhật theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
	Chương V, Điều 39.7	39.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định, phê duyệt tất cả các giao dịch của Công ty có <u>giá trị lớn hơn 200 triệu Đồng và nhỏ 50% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại Điều 55 của Điều lệ này.	35.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại Điều 51 của Điều lệ này.	Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Chương V, Điều 41.1	41.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	37.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện có liên quan theo quy định của Pháp luật;	Điều chỉnh về câu chữ để phù hợp hơn.
	Chương VII, Điều 49.1	49.1 Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện sau đây: (a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.	45.1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện sau đây: (c) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; (e) <u>Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;</u> (f) <u>Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Pháp luật có liên quan.</u> Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.	Điều chỉnh theo yêu cầu của Luật Doanh nghiệp 2014.
	Chương VII, Điều 51	Điều 51. Nghĩa vụ, thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	Điều 47. Trách nhiệm, thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Sửa đổi tên điều khoản cho phù hợp hơn
	Chương VII, Điều 55	Điều 55. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan 55.1 Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận: (a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (b) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc; (c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.	Điều 51. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan 51.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: (a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; (b) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và những người có liên quan của họ; (c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 159.2 của Luật doanh nghiệp.	Cập nhật theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>55.2 Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại các điểm (a), (b) và (c) khoản 55. 1 và các quy định pháp luật khác.</p>	<p>51.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Các trường hợp còn lại, thẩm quyền quyết định thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>51.3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	
	<p>Chương VIII, Điều 56</p>	<p>Điều 56. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty</p> <p>56.1 Công ty được thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động do UBCKNN cấp.</p> <p>56.2 Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông và nhà đầu tư ủy thác theo quy định trong điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc hợp đồng quản lý đầu tư thực hiện quyền biểu quyết tại các đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị của các tổ chức phát hành.</p> <p>56.3 Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>56.4 Tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc hợp đồng quản lý đầu tư.</p> <p>56.5 Tự nguyện, công bằng, trung thực, vì lợi ích tốt nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư, nhà đầu tư ủy thác.</p>	<p>Điều 52. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty</p> <p>52.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thực hiện việc quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác.</p> <p>52.2. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.</p> <p>52.3. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty phải:</p> <p>(a) Ký hợp đồng lưu ký hoặc giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Thông tư 212.</p>

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>56.6 Ký hợp đồng với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát trong đó có các điều khoản chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc quản lý tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và tài sản ủy thác.</p> <p>56.7 Ký hợp đồng với nhà đầu tư ủy thác, công ty đầu tư chứng khoán khi cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư hoặc quản lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán.</p> <p>56.8 Thực hiện việc đầu tư tài sản của quỹ, của công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư.</p> <p>56.9 Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoặc nhà đầu tư vào quỹ, nhà đầu tư ủy thác do nhân viên của công ty hoặc công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>56.10 Đảm bảo việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, từng công ty đầu tư chứng khoán, tài sản của từng nhà đầu tư ủy thác và tài sản của chính công ty.</p> <p>56.11 Ưu tiên chuyển và thực hiện lệnh của nhà đầu tư ủy thác và của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trước lệnh của Công ty. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và cho nhà đầu tư ủy thác. Quy trình này phải được sự chấp thuận của nhà đầu tư ủy thác, ban đại diện quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán và cung cấp cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký. Trong trường hợp Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:</p>	<p>Trường hợp đầu tư tiền gửi cho khách hàng ủy thác, Công ty chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi.</p> <p>Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác; Công ty phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;</p> <p>(b) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;</p> <p>(c) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>(a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý. Việc phân bổ tài sản phải đảm bảo sự công bằng và hợp lý về quyền lợi giữa các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;</p> <p>(b) Việc phân bổ tài sản cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đã đáp ứng được quy định tại Điểm a Khoản này.</p> <p>56.12 Bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư vào quỹ, vào công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư ủy thác. Quan hệ ủy quyền nêu trên phải đảm bảo:</p> <p>(a) Bên nhận ủy quyền phải là một công ty quản lý quỹ được cấp phép khác;</p> <p>(b) Các thông tin cơ bản về bên nhận ủy quyền phải được cung cấp cho ban đại diện quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, và các nhà đầu tư ủy thác.</p> <p>(c) Việc ủy quyền nêu trên phải được sự chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư ủy thác.</p> <p>(d) Công ty khi thực hiện việc ủy quyền phải báo cáo UBCKNN kèm theo văn bản xác nhận tại Điểm c Khoản này.</p> <p>(e) Công ty khi thực hiện việc ủy quyền có trách nhiệm giám sát và đảm bảo việc thực hiện các hoạt động ủy quyền đó được thực hiện nhanh chóng và phù hợp với quy định pháp luật, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư. Công ty phải chịu mọi trách nhiệm đối với những thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ việc ủy quyền này.</p> <p>56.13 Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, đơn vị quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán; giá trị danh mục đầu tư theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ, hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ</p>	<p>(d) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;</p> <p>(e) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý mỗi quỹ, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.</p> <p>52.4. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Trường hợp Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:</p> <p>(a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của Công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro hoặc các tiêu chí khác theo quy định nội bộ của Công ty và đã thông báo cho khách hàng ủy thác. Trường hợp tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản;</p> <p>(b) Việc phân bổ tài sản cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác;</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>quỹ, đơn vị quỹ hoặc cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán có thể do ngân hàng giám sát cung cấp trên cơ sở hợp đồng ký giữa Công ty với ngân hàng giám sát. Trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ định giá tài sản ròng, Công ty phải giám sát và đảm bảo việc định giá tài sản ròng tuân thủ theo các quy định hiện hành.</p> <p>56.14 Công ty có trách nhiệm lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Dịch vụ lập, lưu trữ và cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông có thể do một bộ phận của ngân hàng giám sát hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp trên cơ sở hợp đồng ký giữa Công ty với ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trong trường hợp ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ lập, lưu trữ và cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông, Công ty phải giám sát và đảm bảo công việc này được thực hiện theo các quy định hiện hành.</p> <p>56.15 Kịp thời thông báo bằng văn bản cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký về quyền biểu quyết và ý kiến biểu quyết mà ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thực hiện thay mặt cho quyền lợi của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán góp vốn, nhà đầu tư ủy thác là cổ đông, tham gia góp vốn.</p> <p>56.16 Cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký để đảm bảo ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác theo các quy định của pháp luật.</p> <p>56.17 Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện các giao dịch tài sản quỹ, công ty đầu tư chứng khoán không phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty và đã thông báo cho Công ty thì Công ty phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của quỹ, công ty đầu tư</p>	<p>(c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.</p> <p>52.5. Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty có trách nhiệm bảo đảm:</p> <p>(a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;</p> <p>(b) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán.</p> <p>52.6. Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về khách hàng ủy thác, thông tin về giao dịch tài sản ủy thác, thông tin về nơi lưu ký tài sản ủy thác, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký theo yêu cầu bằng văn bản của các tổ chức này để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với khách hàng ủy thác theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký.</p> <p>52.7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư thì Công ty hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>chứng khoán nhằm phục hồi vị thế quỹ, công ty đầu tư chứng khoán như trước khi có giao dịch trong thời gian sớm nhất. Việc khôi phục vị thế phải được thực hiện trong vòng 03 tháng kể từ khi phát sinh giao dịch không phù hợp. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và những tổn thất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán (nếu có) do Công ty chịu, không được tính vào chi phí quản lý quỹ.</p> <p>56.18 Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty theo quy định của pháp luật hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của người hành nghề quản lý quỹ trong quá trình tác nghiệp.</p> <p>56.19 Xây dựng và ban hành ban hành các quy trình nghiệp vụ áp dụng cho từng vị trí làm việc, quy trình kiểm soát nội bộ và bộ đạo đức nghề nghiệp áp dụng cho nhân viên làm việc trong Công ty nhằm ngăn ngừa những xung đột lợi ích tiềm tàng trong nội bộ Công ty, giữa Công ty với các quỹ, các công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý và nhà đầu tư ủy thác cũng như trong giao dịch với người có liên quan. Quy định về việc tuân thủ bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty sẽ là một điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động trong Công ty.</p> <p>56.20 Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân viên, đảm bảo đội ngũ nhân viên và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kiến thức về pháp luật được cập nhật và phù hợp với nhiệm vụ công tác. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty cần được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi cho UBCKNN.</p> <p>56.21 Công ty có nghĩa vụ xây dựng, ban hành và báo cáo UBCKNN các chính sách, quy trình quản lý rủi ro phù hợp với quy định của pháp luật nhằm kịp thời phân tích, đánh giá, và theo dõi và quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và cho tài sản ủy thác.</p>	<p>52.8. Công ty phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và khách hàng ủy thác. Công ty phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động trong Công ty.</p> <p>52.9. Công ty phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty, loại hình quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và đối tượng khách hàng mà mình đang quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của Công ty, rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình nghiệp vụ, hệ thống của Công ty, rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của từng khách hàng ủy thác. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của khách hàng ủy thác, Công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.</p> <p>52.10. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư.</p> <p>52.11. Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.</p> <p>52.12. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>56.22 Tuân thủ chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, thực hiện nghĩa vụ tài chính và các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p> <p>56.23 Lưu trữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác và kịp thời mọi lệnh đặt giao dịch hàng ngày của từng quỹ, từng công ty đầu tư chứng khoán, lệnh đặt giao dịch hàng ngày cho các danh mục ủy thác và giao dịch hàng ngày của chính Công ty cũng như các giao dịch của nhân viên trong Công ty, thứ tự lệnh đặt và giao dịch được thực hiện. Các chứng từ này bao gồm:</p> <p>(a) Các hợp đồng phân phối;</p> <p>(b) Các hợp đồng quản lý đầu tư;</p> <p>(c) Chứng từ liên quan tới các giao dịch phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ mở;</p> <p>(d) Chứng từ liên quan tới các giao dịch chào bán chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán;</p> <p>(e) Các tài liệu, chứng từ quy định khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>56.24 Các chứng từ theo quy định tại khoản 23 Điều này phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là 15 năm và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.</p> <p>56.25 Công ty có trách nhiệm đảm bảo việc đầu tư tài sản của nhà đầu tư nước ngoài trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, hoạt động quản lý quỹ thành viên có nhà đầu tư nước ngoài tham gia, tuân thủ theo các quy định pháp luật về hạn chế tỷ lệ sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, tại các doanh nghiệp.</p> <p>56.26 Việc sử dụng tài sản ủy thác và các nguồn vốn huy động tại Việt nam để đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, chứng khoán phát hành bởi các tổ chức phát hành được điều chỉnh bởi luật pháp nước ngoài hoặc chứng khoán phát hành tại nước ngoài mà có mục tiêu đầu tư ngoài lãnh thổ nước Việt Nam phải được đại hội nhà đầu tư quỹ đại</p>	<p>52.13. Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.</p> <p>52.14. Việc sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng thành viên, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>52.15. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công ty bảo đảm:</p> <p>(a) Đối với các tổ chức là quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:</p> <p>(i) Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó; và</p> <p>(ii) Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó.</p> <p>(b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công ty phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của Công ty với công ty chứng khoán liên quan và</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>chúng, đại hội thành viên quỹ thành viên, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác đồng ý. Việc đầu tư như vậy phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.</p>	<p>khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.</p> <p>52.16. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.</p> <p>52.17. Công ty phải bảo đảm:</p> <p>(a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty;</p> <p>(b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.</p> <p>52.18. Trong hoạt động kinh doanh, Công ty bảo đảm:</p> <p>(a) Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải là từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;</p> <p>(b) Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công ty cho người có liên quan và các tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu được phát hành theo quy định của pháp luật;</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p>(c) Hợp đồng kinh tế, giao dịch (nếu có) giữa Công ty với cổ đông góp vốn từ 35% Vốn điều lệ trở lên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; người có liên quan của những đối tượng nêu trên; chỉ được thực hiện sau khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý bằng văn bản;</p> <p>(d) Sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư vào bất động sản với mục đích sử dụng làm trụ sở làm việc. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, Công ty có thể cho thuê lại;</p> <p>(e) Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, Công ty có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN về các hạng mục đầu tư này;</p> <p>(f) Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại công ty quản lý quỹ khác, công ty chứng khoán tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp sau:</p> <p>(i) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập; hoặc</p> <p>(ii) Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>52.19 Khi quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, Công ty phải bảo đảm:</p> <p>(a) Chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p>(b) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư và loại tài sản đầu tư và báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;</p> <p>(c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có quyết định của hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;</p> <p>(d) Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại hình tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch (nếu có) đã được quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;</p> <p>(e) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;</p> <p>(f) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;</p> <p>(g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.</p> <p>52.20. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty có trách nhiệm:</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p>(a) Công ty, cùng với các khách hàng ủy thác, tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với người có liên quan, người biết thông tin nội bộ;</p> <p>(b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:</p> <p>(i) Số cổ phiếu do Công ty (nếu có) và các khách hàng ủy thác (nếu có) sở hữu, kể cả trong trường hợp quản lý trên tài khoản khách hàng, tài sản đứng tên khách hàng ủy thác, đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành, hoặc</p> <p>(ii) Công ty là người biết thông tin nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán;</p> <p>(c) Nội dung báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</p> <p>(d) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p> <p>52.21. Công ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc yêu cầu các nhân viên hành nghề tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của Công ty phải được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi UBCKNN.</p>	
	Chương VIII, Điều 57	Điều 57. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty	Điều 53. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty	Điều chỉnh cho phù hợp với Thông tư 212.

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>57.1 Công ty không được huy động và quản lý quỹ thành viên có từ 31 thành viên góp vốn trở lên.</p> <p>57.2 Công ty không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty không được đồng thời làm việc cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý và ngược lại.</p> <p>57.3 Người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty chỉ được mua, bán các chứng chỉ quỹ đóng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch chứng khoán và chứng chỉ Quỹ mở mà Công ty đang quản lý theo mức giá, phí và các điều khoản giao dịch như đối với các nhà đầu tư khác.</p> <p>57.4 Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại khoản 57.4 Điều này, người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty không được là đối tác trong các giao dịch khác với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý.</p> <p>57.5 Công ty, người có liên quan của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ không được là đối tác mua hoặc bán trong giao dịch tài sản đầu tư trong danh mục của nhà đầu tư ủy thác Công ty đang quản lý, trừ trường hợp giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán hoặc đã được quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý đầu tư và đã được nhà đầu tư ủy thác chấp thuận cho phép thực hiện trước bằng văn bản.</p> <p>57.6 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, người</p>	<p>53.1. Công ty không được huy động và quản lý quỹ thành viên có từ ba mươi mốt (31) thành viên góp vốn trở lên.</p> <p>53.2. Công ty không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.</p> <p>53.3. Người có liên quan của Công ty chỉ được giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý khi điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán có quy định cho phép. Trừ trường hợp là giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng, các giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư bất động sản), hoặc theo các phương thức quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch (đối với quỹ mở).</p> <p>53.4. Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty chỉ được mua các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác hoặc bán cho danh mục của khách hàng ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:</p> <p>(a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;</p> <p>(b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, về phương thức xác định giá giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nêu trên bao gồm: loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, tổng giá trị giao dịch, phải được lưu trữ trong vòng 15 năm và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.</p> <p>57.7 Khi Công ty giao dịch các tài sản của quỹ, của công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ, tài sản công ty đầu tư chứng khoán hoặc giao dịch tài sản ủy thác do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thường đã được nêu rõ trong điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc trong hợp đồng quản lý đầu tư. Qui định này áp dụng đối với tất cả các loại hình quỹ thành viên, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán.</p> <p>57.8 Công ty không được sử dụng vốn và tài sản của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thành lập tại Việt Nam để đầu tư vào chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của chính quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đó hoặc của một quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán khác. Công ty không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào các quỹ, các công ty đầu tư chứng khoán tại Việt Nam mà Công ty đang quản lý, ngoại trừ trường hợp hợp đồng quản lý đầu tư có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp được nhà đầu tư ủy thác chấp thuận.</p> <p>57.9 Công ty không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, của công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để làm vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính công ty, đầu tư vào tổ chức kinh tế là người có liên quan của Công ty, tổ chức kinh tế là người có liên quan của thành viên Hội đồng</p>	<p>hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).</p> <p>53.5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.</p> <p>53.6. Thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.</p> <p>53.7. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công ty bảo đảm:</p> <p>(a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;</p> <p>(b) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý, hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;</p> <p>(c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công ty; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ;</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Công ty, người hành nghề quản lý quỹ.</p> <p>57.10 Công ty không được sử dụng tài sản của quỹ, của công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của Công ty hoặc của bất kỳ một đối tác nào.</p> <p>57.11 Công ty phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng ở mức hợp lý và không cao hơn so với mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.</p> <p>57.12 Công ty chỉ được quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và quản lý quỹ đại chúng khi đáp ứng được các điều kiện sau:</p> <p>(a) Có tối thiểu 02 người hành nghề quản lý quỹ đã có kinh nghiệm quản lý quỹ, quản lý danh mục ủy thác và thực hiện quản lý quỹ, quản lý danh mục ủy thác có hiệu quả trong thời gian ít nhất 02 năm.</p> <p>(b) Người hành nghề quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản này không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán trong quá trình thực hiện quản lý quỹ, danh mục ủy thác.</p> <p>57.13 Công ty sẽ tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ đại chúng theo quy định của luật áp dụng.</p> <p>57.14 Công ty, trong quá trình hoạt động, sẽ tuân thủ các quy định pháp luật khác của Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác trong hoạt động quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng quản lý đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp;</p> <p>(d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty, người có liên quan của Công ty, tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.</p> <p>(e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.</p> <p>53.8. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số</p>	

Stt	Điều khoản của Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p>cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>(a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; và</p> <p>(b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>53.9. Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.</p>	
	Chương XIV, Điều 66.2	<p>66.2. Trình tự giải thể Công ty:</p> <p>Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau:</p> <p>...</p>	<p>62.2. Trình tự giải thể Công ty:</p> <p><u>Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi</u>, việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau:</p> <p>...</p>	<p>chỉnh sửa câu chữ để phù hợp hơn.</p>
	Chương XVI, Điều 69.2	<p>69.2. Điều lệ này gồm XVI Chương 69 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital nhất trí thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>65.2. Điều lệ này gồm XVI Chương 65 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2017 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Cập nhật lại thông tin về Điều lệ.</p>